[Mẫu số 24] Đơn khai báo tình trạng việc làm và thu nhập

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

근로활동 및 소득신고서
ĐƠN KHAI BÁO TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP

<table>
<tr><td rowspan="2">수급(권)자
Người thụ hưởng</td><td>성 명
Họ tên</td><td></td><td>생년월일
Năm, tháng, ngày sinh</td><td></td></tr>
<tr><td>주 소
Địa chỉ</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="3">취업상태
Tình trạng việc làm</td><td>유 형
Loại hình</td><td colspan="3">☐ Lao động toàn thời gian
☐ Lao động tạm thời, công nhật (người giúp việc, tạp vụ hàng ngày, v....)
☐ 자영업(노점. 행상, 농어업 등)
☐ Tự kinh doanh (bán vỉa hè, bán hàng rong, nông ngư nghiệp, v.v.)
☐ Khác</td></tr>
<tr><td>직장(사업장)명
Tên nơi làm việc (công ty)</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>직장(사업장)주소
Địa chỉ nơi làm việc (công ty)</td><td colspan="3">(전화:)
(Điện thoại:)</td></tr>
<tr><td rowspan="5">소 득
Thu nhập</td><td>일 당 제
Lương theo ngày</td><td colspan="3">1일임금 원
Tiền lương 1 ngày Won
월평균 근로일수 : 일
Số ngày làm việc trung bình trong tháng: ngày</td></tr>
<tr><td>근로시간
Thời gian làm việc</td><td colspan="3">일시간 오전 : ~ : (시간)
Thời gian làm việc buổi sáng : ~ : (tiếng)
일시간 오후 : ~ : (시간)
Thời gian làm việc buổi chiều : ~ : (tiếng)
주 당 근로일수 : 일
Số ngày làm việc một tuần : ngày
주 근로시간 : 총 시간
Thời gian làm việc một tuần : Tổng tiếng</td></tr>
<tr><td>월 급 제
Lương theo tháng</td><td colspan="3">월 평균 총급여 : 원
Tổng lương trung bình hàng tháng: Won</td></tr>
<tr><td>자 영 업
Tự kinh doanh</td><td colspan="3">월 평균 총소득 : 원
Tổng thu nhập trung bình hàng tháng: Won</td></tr>
<tr><td>기 타
Khác</td><td colspan="3">월 평균 총소득 : 원
(이전소득일 경우 지원하는곳 :)
Tổng thu nhập trung bình hàng tháng: Won
(Nơi xin việc trong trường hợp điền thu nhập ở nơi làm việc cũ :)</td></tr>
</table>

본인은 상기와 같이 소득이 있음을 신고합니다.
Tôi xin khai báo rằng tôi có thu nhập như trên.

20 년 월 일
Năm 20 tháng ngày

신고자 : (인)

Người khai báo : (Đóng dấu)

특별자치시장.특별자치도지사.시장.군수.구청장 귀하

Kính gửi Thị trưởng Thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc Tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido), Thị trưởng, Chủ tịch huyện (gun), Chủ tịch quận (gu)

※ 취업상태나 소득을 허위로 신고하는 경우는 '국민기초생활보장법 제49조(벌칙)'에 의거하여 1년 이하의 징역, 1,000만원 이하의 벌금.구류 또는 과료에 처할 수 있습니다.

※ Nếu khai báo sai tình trạng việc làm hoặc thu nhập, có thể bị phạt tù tối đa 1 năm, phạt hành chính tối đa 10 triệu won theo Điều 49 (Quy định về xử phạt) “Luật An sinh xã hội quốc gia”.